

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 02-5-2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương T.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh T;
2. Bà Nguyễn Thị Phương T.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bảo N, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng N tham gia phiên tòa:** Bà Trương Ngọc O - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Hồng D, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm B, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm B, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Bùi Tấn T của VPLS T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khóm A, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Phan Hồng D có mặt tại phiên tòa; Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Bùi Tấn T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phan Hồng D trình bày: Vào năm 2007, anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu rồi kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ anh dọn ra ở riêng nên vợ chồng ly thân từ ngày 11/11/2016 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh đã cố hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có (03) ba con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008, Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011 và cháu Kim N (họ tên chưa đầy đủ), sinh ngày 02/9/2017. Hiện hai cháu Hồng N và Hào Q đang sống chung với anh D, anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Hồng N và Hào Q, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho hai cháu Hồng N và Hào Q; Còn cháu Kim N hiện đang sống chung với chị T, anh D tự nguyện thống nhất giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim N (họ tên chưa đầy đủ), sinh ngày 02/9/2017, anh D không cấp dưỡng cho cháu Kim N.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh D trình bày: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh là do chị T có quan hệ tình cảm với người thanh niên khác, anh có chứng cứ chứng minh là USB anh đã cung cấp cho Tòa án có ghi âm, ghi hình việc anh và gia đình chị T đến bắt quả tang chị T đang chung sống với người thanh niên khác. Do chị T đã tự bỏ nhà đi nhiều lần nên nay anh cương quyết xin ly hôn với chị T. Anh D thừa nhận cháu Kim N (họ tên chưa đầy đủ), sinh ngày 02/9/2017 là con chung của anh D với chị T, hiện nay cháu Kim N đang sống với chị T nên anh D thống nhất giao cháu Kim N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng cho cháu Kim N.

- Tại bản khai ngày 11/12/2018 của bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2007, chị và anh Phan Hồng D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế, chị T dọn ra ở riêng nên vợ chồng ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, chị T đã cố hàn gắn nhưng không được. Nay chị còn tình cảm với chồng nên anh D yêu cầu ly hôn chị không thống nhất.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008, Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011 và Kim N (họ tên chưa đầy đủ), sinh ngày 02/9/2017, cháu Hồng N và cháu Q đang sống chung với anh D, cháu Kim N đang sống chung với chị T. Cháu Kim N chưa có họ tên đầy đủ là do sau khi sinh chị làm mất giấy chứng sinh nên chưa làm giấy khai sinh cho cháu Kim N. Chị T xác

định cháu Kim N là con ruột của anh D và chị T vì khi anh D và chị T ly thân thì chị T đã mang thai được một tháng nhưng chị T thừa nhận chị không có giấy tờ gì chứng minh cháu Kim N là con chung của chị và anh D. Nếu Tòa án giải quyết cho anh D và chị T ly hôn thì chị T yêu cầu được nuôi ba con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008 và Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011 và cháu Kim N (họ tên chưa đầy đủ), sinh ngày 02/9/2017, không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Hồng D với chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Hồng D. Anh D được tiếp tục nuôi hai con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008 và Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011. Chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Kim N (họ tên chưa đầy đủ), sinh ngày 02/9/2017. Chị T, anh D không phải cấp dưỡng do không ai yêu cầu. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề cập đến; Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Bùi Tấn T có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T như sau: Chị T không thống nhất ly hôn với anh D vì còn thương anh D; Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008, Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011 và Kim N (chưa rõ họ tên), sinh ngày 02/9/2017 vì hiện tại các con còn nhỏ; Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề cập đến; Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T: Vào ngày 05/12/2018 Tòa án thụ lý vụ án thì chị Nguyễn Thị T vẫn còn sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là khóm B, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp. Chị T nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án vào ngày 07/12/2018, đến ngày 11/12/2018 chị T có bản khai gửi cho

Tòa án. Ngày 12/12/2018 chị T có nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để đến ngày 26/12/2018 hòa giải nhưng chị T không đến tham gia hòa giải mà bỏ địa phương đi đến nay. Chị T đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo nên theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm a khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự thì được coi là chị Nguyễn Thị T cố tình giấu địa chỉ.

+ Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Bùi Tấn T: Luật sư Bùi Tấn T có đơn xin vắng mặt ngày 26/4/2019 với lý do từ khi chị T bỏ địa phương đi đến nay Luật sư không tiếp xúc, liên lạc được với chị T nên không rõ ý kiến của chị T hiện nay như thế nào nên giữ ý kiến, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Bùi Tấn T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh Phan Hồng D yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Xét thấy, hôn nhân giữa anh Phan Hồng D và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Mặc dù chị T không thống nhất ly hôn nhưng anh D cho rằng nguyên nhân mà anh yêu cầu ly hôn với chị T là do chị T có mối quan hệ tình cảm với người thanh niên khác, thường xuyên bỏ nhà trốn đi, anh đã nhiều lần tha thứ mong hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị T không thay đổi. Nay anh D cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Thời gian ly thân giữa anh D và chị T là từ năm 2016 đến nay cũng đã lâu, anh D cung cấp được cho Tòa án một USB có đoạn video ghi âm, ghi hình việc gia đình chị T cùng anh D đi đến chỗ ở của chị T và người thanh niên khác (người mà anh D cho rằng chị T có quan hệ tình cảm) đang chung sống với nhau.

Ông Nguyễn Văn V là cha ruột của chị T xác nhận: Trong quá trình chung sống anh D và chị T có mâu thuẫn tình cảm với nhau nhiều lần, là mâu thuẫn trầm trọng, chị T tự ý bỏ nhà đi lần này là lần thứ ba nên cuộc sống vợ chồng của anh D và chị T không hạnh phúc. Nguyên nhân mà chị T bỏ nhà đi là do chị có quan hệ tình cảm với người thanh niên khác nên chị T tự ý trốn theo người thanh niên đó, gia đình đã tìm gặp kêu về nhiều lần nhưng chị T vẫn trốn đi, lần này gia đình không biết chị T đi đâu, không liên lạc được. Nếu anh D và chị T sống chung lại với nhau thì cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc nên gia đình ông thống nhất việc anh D yêu cầu ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa anh Phan Hồng D và chị Nguyễn Thị T là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh Phan Hồng D yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có (03) ba con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008 và Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011 và cháu Kim N, sinh ngày 02/9/2017 (họ tên chưa đầy đủ). Hiện hai cháu Hồng N và Hào Q đang sống chung với anh D, còn cháu Kim N đang sống với chị T. Anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Hồng N và Hào Q, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho hai cháu Hồng Ngân và Hào Quang. Anh Duy tự nguyện thống nhất để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim N, sinh ngày 02/9/2017, anh D không cấp dưỡng cho cháu Kim N. Chị T không thống nhất theo yêu cầu của anh D mà chị T yêu cầu được nuôi ba đứa con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho các con. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, anh D thừa nhận giữa anh D và chị T có ba người con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008 và Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011 và cháu Kim N (họ tên chưa đầy đủ), sinh ngày 02/9/2017. Cháu Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008 và Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011, hiện đang sống chung với anh D, anh D hiện có công việc và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hồng N và cháu Hào Q, hai cháu vẫn được đi học và đảm bảo được cuộc sống ổn định. Ông V là cha của chị T xác nhận: Mặc dù anh D gửi đơn yêu cầu ly hôn với chị T nhưng mối quan hệ tình cảm giữa anh D và gia đình chị T vẫn bình thường, anh D cũng thường gửi cháu Hồng N và Hào Q cho gia đình bên ngoại chơi. Mặc khác, từ khi chị T bỏ địa phương đi đến nay thì cháu Hồng N và Hào Q sống với anh D, hiện nay chị T không có mặt tại địa phương nên chị T không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hồng N và Hào Q. Do đó, để không gây xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008 và Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011, nhằm đảm bảo tâm lý ổn định, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu và cũng theo nguyện vọng của cháu Hồng N và cháu Hào Q. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Phạm Hồng D là có căn cứ nên chấp nhận. Anh Phan Hồng D được tiếp tục nuôi hai con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008 và Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011, chị T không phải cấp dưỡng cho hai con do anh D không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi con chung tên Kim N (họ tên chưa đầy đủ), sinh ngày 02/9/2017, anh D không phải cấp dưỡng cho cháu Kim N do chị T không yêu cầu. Anh Phan Hồng D, chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị T, anh Phan Hồng D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Anh Phan Hồng D, chị Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phan Hồng D, chị Nguyễn Thị T thống nhất là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình:

Buộc anh Phan Hồng D chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Hồng D đối với chị Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Anh Phan Hồng D được tiếp tục nuôi hai con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 13/4/2008 và Phan Hào Q, sinh ngày 30/8/2011 (hiện nay đang sống với anh Duy), chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng cho hai con do anh Phan Hồng D không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Kim N, sinh ngày 02/9/2017 (họ tên chưa đầy đủ, hiện đang sống với chị T), anh Phan Hồng D không phải cấp dưỡng cho cháu Kim N do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu. Anh Phan Hồng D, chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị T, anh Phan Hồng D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Anh Phan Hồng D, chị Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Anh Phan Hồng D, chị Nguyễn Thị T thống nhất là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình:

Buộc anh Phan Hồng D chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 02718, ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Không ai phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

*“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008”(sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Phương T**